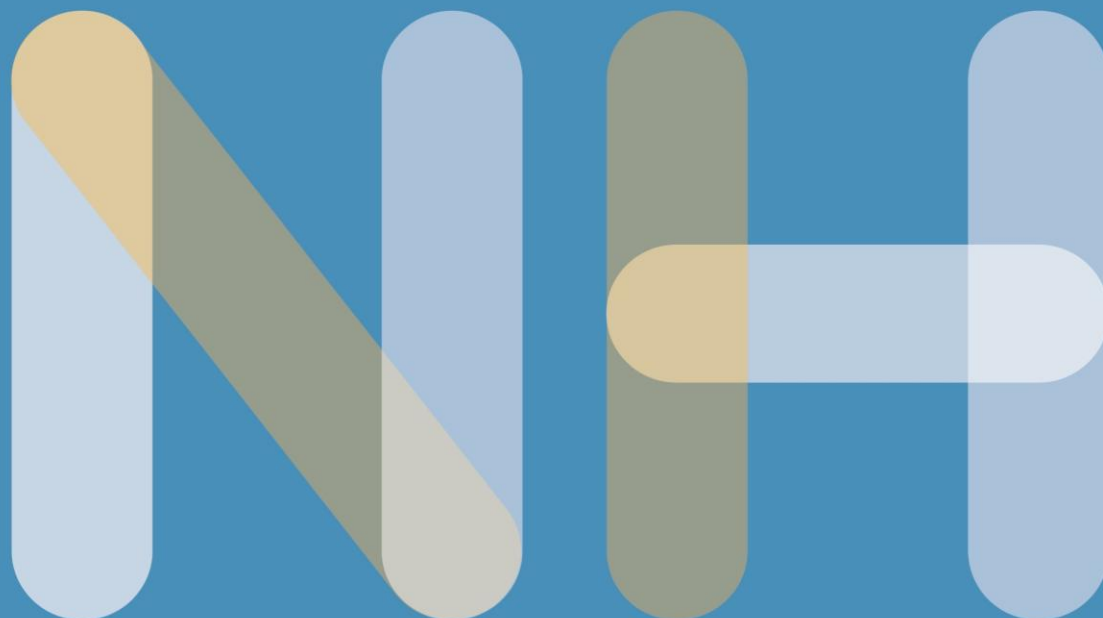


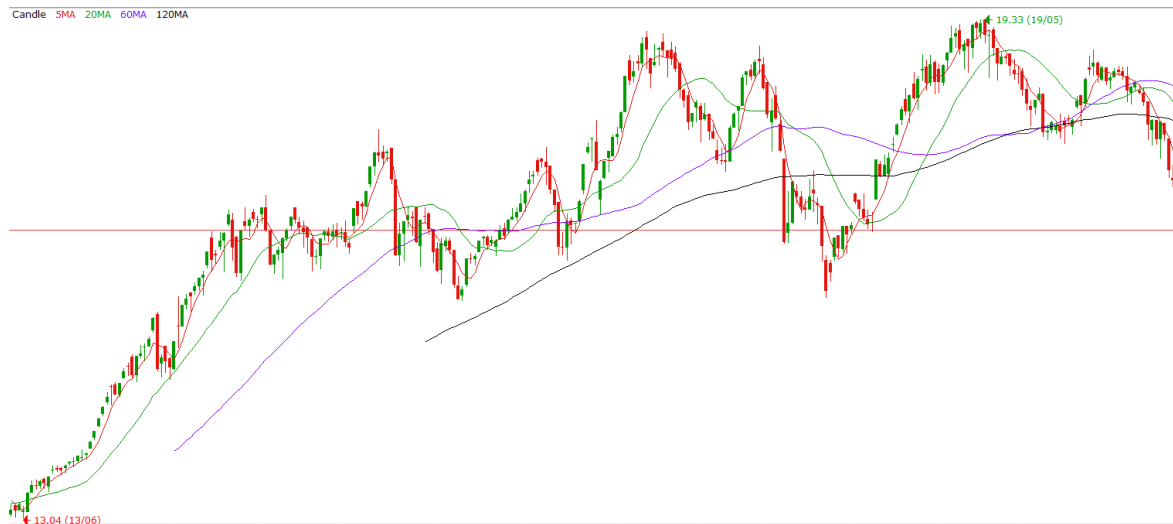
BẢN TIN HÀNG NGÀY

22 tháng 7 năm 2026



VIC VHM giảm sàn, VN-Index giảm 62 điểm

- Vn-Index mở cửa thậm chí vẫn tăng nhẹ, nhưng giảm dần trong suốt quãng thời gian còn lại và đóng cửa giảm sốc 62 điểm
- Số mã giảm gấp 3.4 lần số mã tăng
- VIC VHM đều giảm sàn, và đóng góp lớn và chiều giảm
- 1 số mã khác cũng giảm sàn hoặc gần sàn như EIB PNJ MWG
- Có lẽ chỉ vài mã chứng khoán và bất động sản nhỏ là tăng điểm nhẹ như FTS SHS CTS DXG CII DIG
- Điểm nhấn: TCM khớp sàn trong phiên sáng, nhưng đóng cửa tại giá trần
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 60% so với ngày trước đó.

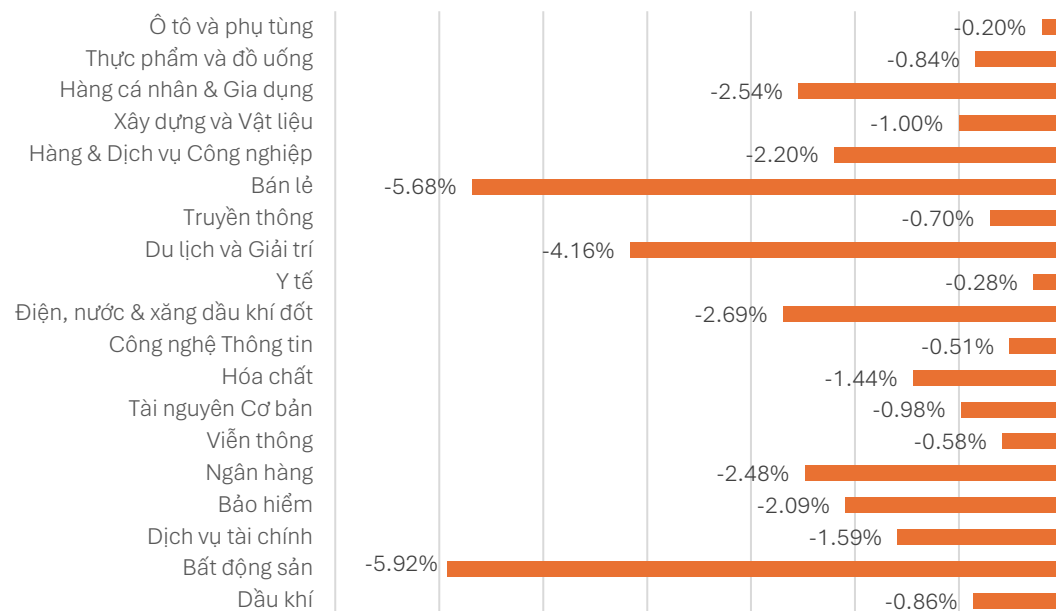


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,668.5	275.5	124.8
(+/-)	-62.03	-5.25	-0.65
(%)	-3.58%	-1.87%	-0.52%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	915	71	33
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	23,405	1,120	389
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,952)	13	(2)
Số mã tăng	75	40	75
Số mã giảm	245	100	139
Số mã giá không đổi	45	45	71

1.

Nhận định thị trường

- Hôm nay tiếp tục là 1 phiên rất tiêu cực, áp lực bán rất lớn ngay từ đầu ngày
- VIC VHM mới giảm sàn phiên đầu tiên, và nhìn lịch sử hồi tháng 1 và tháng 3, thường 2 mã này sẽ phải giảm trong 2 tuần mới là đáy
- Điểm sáng duy nhất có lẽ là 1 vài mã chứng khoán và bất động sản nhỏ tăng nhẹ, cho thấy dấu hiệu có thể thị trường sẽ có sóng hồi trong những ngày tới
- Tóm lại là thị trường rất tiêu cực, nhưng cũng kỳ vọng sớm có sóng hồi ngắn hạn vài phiên.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	10.67	1.51
2	Nguyên vật liệu	11.31	1.35
3	Công nghiệp	11.62	1.61
4	Hàng Tiêu dùng	13.14	2.20
5	Dược phẩm và Y tế	14.51	1.50
6	Dịch vụ Tiêu dùng	18.17	3.33
7	Viễn thông	19.37	5.00
8	Tiện ích Cộng đồng	11.03	1.56
9	Tài chính	20.13	2.77
10	Ngân hàng	8.77	1.44
11	Công nghệ Thông tin	11.88	2.36

2.

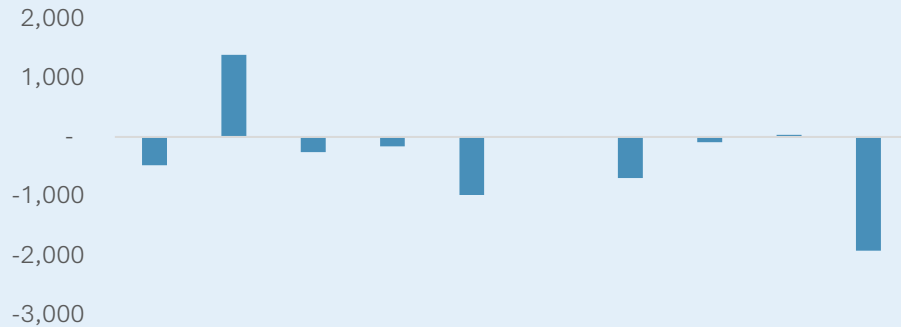
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
OCB	0.99%	DIG	1.38%	FTS	3.18%	BHN	1.88%	HHV	0.51%	NKG	0.00%	PGD	6.60%	VFG	0.00%
NAB	0.00%	HDC	1.26%	ORS	1.52%	VNM	1.20%	CII	0.36%	ACG	-0.31%	TDM	3.63%	GVR	-0.73%
SSB	0.00%	DXG	0.91%	DSC	0.93%	FMC	0.14%	VCG	0.00%	HPG	-0.48%	HNA	0.24%	DPR	-0.97%
LPB	-0.37%	KDH	0.56%	BSI	0.52%	SBT	0.00%	PC1	0.00%	HSG	-0.95%	SHP	0.16%	PHR	-1.03%
SHB	-0.85%	QCG	0.00%	AGR	0.37%	SAB	-0.11%	BMP	-1.11%	DHC	-2.35%	CHP	0.00%	CSV	-1.59%
MSB	-1.24%	NVL	0.00%	EVF	-1.21%	PAN	-0.24%	VGC	-1.15%	PTB	-2.61%	VSH	-0.24%	DPM	-2.43%
VPB	-1.38%	VPI	-0.16%	VCI	-1.24%	KDC	-1.01%	HTI	-1.63%			PGV	-0.43%	AAA	-2.77%
MBB	-1.54%	SIP	-0.32%	VIX	-3.20%	HAG	-1.06%	CTR	-3.21%			BWE	-0.67%	DCM	-3.34%
ACB	-1.97%	KBC	-0.37%	VND	-3.21%	MCM	-1.28%	CTD	-4.44%			PPC	-0.88%	DGC	-5.81%
STB	-2.34%	SJS	-0.42%			BAF	-1.36%					NT2	-2.30%		
BID	-2.58%	HDG	-0.91%			MSN	-1.54%					POW	-2.58%		
TCB	-2.68%	KOS	-1.39%			DBC	-1.84%					GEG	-3.70%		
TPB	-3.09%	IJC	-1.51%			VCF	-2.23%					REE	-3.84%		
VIB	-3.67%	SZC	-1.57%			ANV	-2.28%					GAS	-5.29%		
VCB	-3.88%	CRE	-1.68%			VHC	-2.57%								
CTG	-3.88%	PDR	-2.42%			ASM	-3.62%								
HDB	-4.27%	NLG	-2.79%												
EIB	-6.25%	DXS	-3.41%												
		BCM	-4.41%												
		TCH	-4.42%												
		VRE	-5.64%												
		VHM	-6.96%												
		VIC	-6.99%												

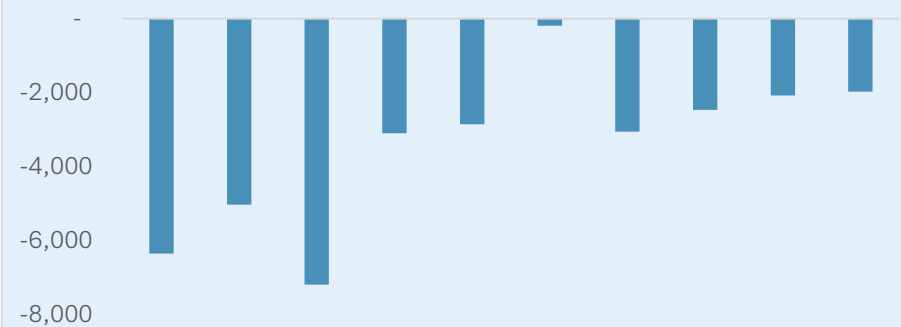
3.

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VNM	HOSE	302.61	136.07	166.54
2	HPG	HOSE	291.28	239.60	51.68
3	GEE	HOSE	30.35	3.43	26.92
4	PVT	HOSE	34.39	9.04	25.35
5	MBB	HOSE	170.40	149.18	21.22
6	VSC	HOSE	19.80	2.17	17.64
7	SHS	HNX	21.94	5.21	16.72
8	CII	HOSE	21.23	5.20	16.02
9	HCM	HOSE	22.70	6.84	15.86
10	PLX	HOSE	12.58	0.25	12.33
11	GVR	HOSE	13.11	2.94	10.16
12	NVL	HOSE	26.97	16.93	10.04
13	PDR	HOSE	10.74	0.81	9.93
14	SHB	HOSE	70.47	60.92	9.54
15	BSR	HOSE	17.14	7.63	9.50

Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	SSI	HOSE	40.93	332.56	- 291.63
2	VIC	HOSE	81.56	289.35	- 207.79
3	VCB	HOSE	29.24	230.96	- 201.72
4	ACB	HOSE	22.29	213.79	- 191.50
5	STB	HOSE	35.49	209.23	- 173.74
6	VPB	HOSE	26.85	184.91	- 158.06
7	TPB	HOSE	25.02	170.65	- 145.63
8	EIB	HOSE	72.50	207.03	- 134.53
9	PNJ	HOSE	18.20	144.62	- 126.41
10	VIB	HOSE	20.76	134.17	- 113.41
11	MSB	HOSE	42.01	117.28	- 75.26
12	HDB	HOSE	33.89	105.04	- 71.14
13	TCB	HOSE	41.85	108.41	- 66.56
14	VHM	HOSE	114.23	178.99	- 64.76
15	VJC	HOSE	5.92	60.49	- 54.57

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	91.01	2.01%	7.41%	49.56%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	84.91	3.22%	7.02%	47.88%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,082.20	1.79%	0.52%	-5.63%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,260	0.00%	0.11%	0.55%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,520	0.04%	0.26%	0.54%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,380	0.19%	-0.15%	-1.64%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	3.50%	-0.18%	-0.68%	1.73%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.47%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.72%	0.00%	-0.01%	0.54%

Giá dầu lên mức cao nhất từ 10/6, giá dầu Brent vượt 90 USD/thùng

Hết phiên ngày 21/7, dầu Brent tăng 2% lên 91.01 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 2% lên 84.91 USD/thùng. Đây là mức tăng cao nhất trong hơn 1 tháng vừa qua.

5.

Bản tin doanh nghiệp



ACB: ACB đạt lợi nhuận bán niên 2026 hơn 10,700 tỷ đồng

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) vừa báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 với lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng đạt hơn 10,700 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch 6 tháng đầu năm.

Kết thúc quý 2/2026, dư nợ tín dụng của ACB đạt gần 746 nghìn tỷ đồng, tăng 8.6% so với đầu năm. Trong đó, cho vay bán lẻ và SME bắt đầu hồi phục tích cực trong quý 2 khi lần lượt tăng 3.8% và 5% so với cuối quý 1. Ở chiều ngược lại, tổng huy động đạt gần 776 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với đầu năm.



MSN: Masan nâng kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 lên 11.500 tỷ

Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Masan (MSN) thông qua nghị quyết đề xuất điều chỉnh kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026. Cụ thể, kế hoạch năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trước đó với chỉ tiêu doanh thu thuần từ 93.500 - 98.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 7.250 - 7.900 tỷ đồng. Hiện tại, theo kế hoạch điều chỉnh mà Hội đồng quản trị đề xuất nâng doanh thu thuần lên mức 98.000 - 105.000 tỷ đồng, còn lợi nhuận sau thuế được nâng lên 10.000 - 11.500 tỷ đồng. Như vậy, so với kế hoạch cũ, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng thêm tối đa 3.600 tỷ đồng và doanh thu tăng thêm tối đa khoảng 7.000 tỷ đồng



TCB: Techcombank lãi trước thuế hơn 18.500 tỷ nửa đầu năm

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB) vừa công bố báo cáo tài chính quý II/2026 với lợi nhuận trước thuế 6 tháng đạt 18.500 tỷ đồng, tăng 22,5%, trong đó quý II ghi nhận lãi 9.670 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, TCB đã thực hiện được gần 53% theo kịch bản xấu (kế hoạch lãi 35.000 tỷ) và xấp xỉ 50% theo kịch bản thuận lợi hơn (kế hoạch lãi 37.500 tỷ đồng). Động lực tăng trưởng lợi nhuận trong nửa đầu năm đến từ hai mảng hoạt động chính là thu nhập từ lãi thuần (tăng 16,3%) và hoạt động dịch vụ (lãi thuần tăng hơn 73% so với cùng kỳ), trong khi các mảng còn lại ghi nhận sụt giảm.

6.

Lịch sự kiện

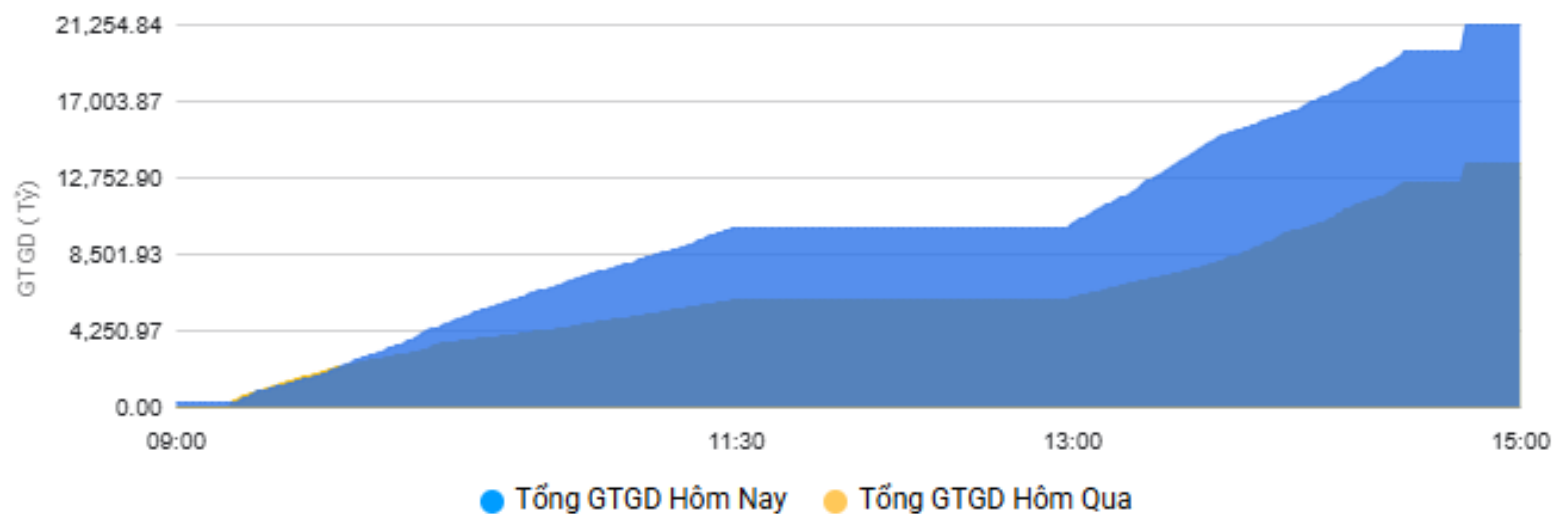
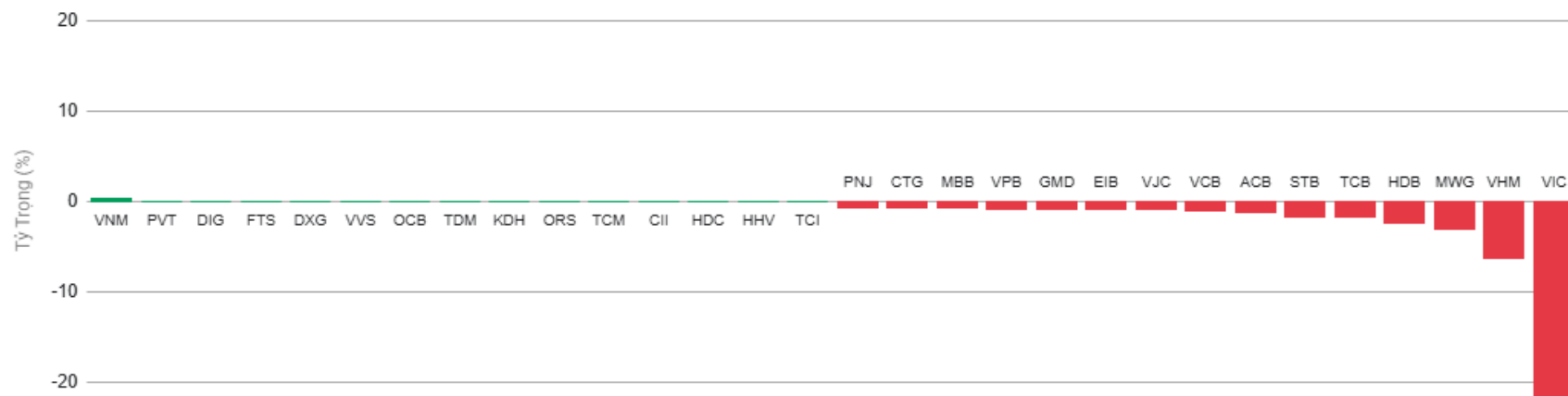
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
CTG	23/07/2026	27/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.5%	450
BWE	23/07/2026		Phát hành cổ phiếu	7:1	37.000
DVW	23/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3.000
IDC	23/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
POT	23/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.4%	440
SCS	23/07/2026	06/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2.500
VCB	23/07/2026	27/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.5%	450
VPS	23/07/2026	25/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.5%	550
DTG	24/07/2026	18/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
PSD	24/07/2026		Phát hành cổ phiếu	30%	
DTG	24/07/2026		Phát hành cổ phiếu	10%	
MLC	24/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13.195%	1,319.5
NTW	24/07/2026	26/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
PGV	24/07/2026	20/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
VTE	24/07/2026	10/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1.21%	121

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	32,381	25,000	29.5%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	14,100	66.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	36,300	29,000	25.2%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	22,350	35.9%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	24,823	22,400	10.8%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	25,800	24.8%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	29,700	35.4%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	54,500	32.1%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	35,850	33.1%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	71,000	-17.3%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	20,700	48.0%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	10,450	18.9%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	14,500	10,500	38.1%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	13,800	98.9%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	59,455	44,850	32.6%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	27,045	16,800	61.0%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	02/06/2026	40,400	22,650	78.4%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	18,000	133.3%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	11,100	64.4%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	5,940	102.0%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	26,800	51.1%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	37,900	119.0%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	21,750	37.9%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	81,200	126,900	-36.0%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	21,043	12,100	73.9%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	12,100	53.7%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	105,000	61.9%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	70,600	52.3%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	24,270	17,500	38.7%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	34,400	42.4%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VNM	28/05/2026	28/05/2026	75,000	59,100	26.9%		Link
ANV	05/06/2026	05/06/2026	31,000	17,150	80.8%		Link
VHC	05/06/2026	05/06/2026	75,000	53,100	41.2%		Link
PHR	05/06/2026	05/06/2026	84,000	57,800	45.3%		Link
FMC	12/06/2026	12/06/2026	45,000	34,850	29.1%		Link
REE	12/06/2026	12/06/2026	62,000	43,850	41.4%		Link
DPG	12/06/2026	12/06/2026	45,000	26,850	67.6%		Link
SIP	18/06/2026	18/06/2026	74,000	46,800	58.1%		Link
IDC	19/06/2026	19/06/2026	60,000	37,400	60.4%		Link
PHP	26/06/2026	26/06/2026	59,000	36,700	60.8%		Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

